

GIẢI PHÁP XUẤT KHẨU BỀN VỮNG TRÁI CÂY ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Huỳnh Kiến Minh và Lưu Tiến Thuận

1. SỰ CẦN THIẾT NGHIÊN CỨU

Nằm trong khu vực có khí hậu nhiệt đới gió mùa, thổ nhưỡng tốt, Việt Nam là một trong những nước có điều kiện thuận lợi để sản xuất và phát triển nhiều loại rau quả phong phú. Các sản phẩm rau quả của Việt Nam được sản xuất không chỉ phục vụ nhu cầu tiêu dùng nước mà còn phục vụ xuất khẩu, đến nay được nhiều nước trên thế giới ưa chuộng. Tuy nhiên, qua khảo sát cho thấy xuất khẩu rau quả của Việt Nam còn chưa xứng với tiềm năng của ngành mặc dù kim ngạch xuất khẩu trong 03 năm trở lại năm sau luôn cao hơn năm trước. Mặt khác, theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT), miền Nam được đánh giá là vùng trái cây trọng điểm của cả nước, trong đó đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) được xem là vùng có nhiều diện tích cây ăn trái có giá trị kinh tế cao. Thêm vào đó, theo số liệu của Viện Cây ăn quả miền Nam thì có khoảng 85%- 90% sản lượng trái cây ở ĐBSCL được tiêu thụ tại thị trường trong nước, chỉ có khoảng 10%- 15% sản lượng được xuất khẩu. Chính vì vậy, việc nghiên cứu ngành xuất khẩu trái cây ở ĐBSCL nhằm đưa ra các giải pháp xuất khẩu bền vững có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy sản lượng và kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong thời gian tới.

2. MỤC TIÊU ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thông qua phân tích thực trạng sản xuất, xuất khẩu, những mặt thuận lợi và khó khăn của ngành rau quả Việt Nam nói chung và trái cây ĐBSCL, cụ thể là tập trung nghiên cứu vào 11 loại trái cây chủ lực gồm: thanh long, xoài, chôm chôm, sầu riêng, vú sữa, bưởi, nhãn, chuối, dứa, cam và quýt, từ đó đề xuất một số giải pháp xuất khẩu bền vững cho ngành trái cây ĐBSCL.

Chuyên đề sử dụng số liệu thứ cấp được thu thập từ Tổng cục Hải quan, Bộ NN&PTNT, Cục Trồng trọt, Viện Cây ăn quả miền Nam, các tài liệu hội thảo, các bài báo, tạp chí được đăng từ các website có liên quan đến vấn đề nghiên cứu và sử dụng phương pháp thống kê mô tả, so sánh số tương đối, số tuyệt đối để phân tích số liệu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1 Thực trạng sản xuất



Theo số liệu thống kê của Bộ NN&PTNT, tính đến cuối năm 2012, cả nước có khoảng 832.800 ha diện tích đất trồng cây ăn trái, sản lượng trung bình mỗi năm đạt 7,5 triệu tấn. Trong đó, Nam bộ có diện tích cây ăn trái 432.400 ha, sản lượng khoảng 4,3 triệu tấn/năm, chiếm 52% về diện tích và 57% về sản lượng trái cây cả nước. Mặt khác, theo tổ chức Nông Lương Liên hiệp quốc (FAO) (theo Văn Chi, 2013) dự báo sản lượng trái cây nhiệt đới toàn cầu sẽ đạt 82 triệu tấn năm 2014, với tốc độ tăng trung bình giai đoạn 2004 – 2014 đạt 1,7%, các quả chủ chốt như xoài, dứa, bơ, đu đủ chiếm khoảng 78% và 22% là các loại khác như vải, chôm chôm, ổi...Hầu hết 90% tổng sản lượng trái cây nhiệt đới toàn cầu đều

do các nước đang phát triển sản xuất. Châu Á hiện là khu vực sản xuất trái cây nhiệt đới đứng đầu

thế giới, tiếp đến là châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương. Như vậy, so với sản lượng trái cây nhiệt đới thế giới Việt Nam chiếm khoảng 1%, vào năm 2010 sản lượng trái cây Việt Nam đứng hàng thứ 22 trên thế giới và thứ 8 ở khu vực Châu Á, sau Trung Quốc, Ấn Độ, Philippines, Indonesia, Iran, Thái Lan và Pakistan (Anh Đức, 2013).

Theo Bộ NN&PTNT, ĐBSCL hiện có khoảng 288.300 ha diện tích cây ăn trái, đứng đầu là Tiền Giang 68.000 ha (chiếm 23,6%), thứ 2 là Vĩnh Long 39.100 ha (chiếm 13,6%), thứ 3 là Bến Tre 30.200 (chiếm 10,5%), thứ 4 là Sóc Trăng 27.000 ha (9,4%), thứ 5 Hậu Giang 25.300 ha (8,8%), Đồng Tháp 23.200 ha (8%), Trà Vinh 17.500 ha (6,1%), Cần Thơ 14.100 ha (4,9%), Kiên Giang 12.400 ha (4,3%), An Giang 8.700 ha (3,0%), Long An 8.600 ha (3,0%), Cà Mau 8.400 ha (2,9%), cuối cùng là Bạc Liêu 5.800 ha (chiếm 2,0%), hàng năm toàn vùng có khả năng cung cấp cho thị trường sản lượng khoảng 3,18 triệu tấn (Minh Trí, 2013a). Bên cạnh đó, theo Viện Cây ăn quả miền Nam hiện nay diện tích cây ăn trái đặc sản toàn vùng ĐBSCL có khoảng 83.000 ha, chiếm khoảng 29% diện tích cây ăn trái tại ĐBSCL (Thế Đạt, 2013).

Theo công bố của Trung tâm sách Kỷ lục và Trung tâm sách Top Việt Nam ngày 7/8/2012, Việt Nam có 50 đặc sản trái cây nổi tiếng nhất được người tiêu dùng ưa thích, đã được Viện Cây ăn quả miền Nam, Phòng Chỉ dẫn Địa lý của Cục Sở hữu Trí tuệ và các địa phương công nhận. Trong đó, ĐBSCL hiện có 16 chủng loại trái cây đặc sản, tập trung ở 05 tỉnh, thành như Cần Thơ có Cam mật và dâu Hạ Châu Phong Điền; Tiền Giang (08 loại): Sầu riêng Ngũ Hiệp, Sơ ri Gò Công, Thanh long Chợ Gạo, Xoài cát Hòa Lộc, Vú



Cam mật Phong Điền

sữa Lò Rèn, Dừa hấu Gò Công, Sápôchê Mặc Bắc, Nhãn tiêu da bò; Bến Tre (3 loại): Bưởi da xanh, Dừa, Mãng cụt Chợ Lách; Trà Vinh (2 loại): Dừa sáp Cầu Kè, Quýt đường; Vĩnh Long (2 loại): Bưởi Năm Roi, Sầu riêng Ri 6. (H.Long, 2013).

Tính đến nay, mô hình cây ăn trái đặc sản được sản xuất theo tiêu chuẩn GAP đạt 406 ha, cụ thể mô hình GlobalGap các tỉnh ĐBSCL hiện xây dựng được 8 mô hình với tổng diện tích 143 ha, còn mô hình VietGap các tỉnh trong khu vực cũng xây dựng được 12 mô hình trồng cây ăn quả đặc sản theo với tổng diện tích trên 263ha. Các loại trái cây được sản xuất theo tiêu chí GAP gồm có: thanh long, vú sữa, xoài, bưởi, chôm chôm, nhãn, sơ ri, dứa, cam sành (Minh Trí, 2013b).

3.2 Chính sách quy hoạch sản xuất vùng cây ăn trái chủ lực ĐBSCL

Theo Quyết định Số 1648/QĐ-BNN-TT của Bộ NN&PTNT về việc quy hoạch vùng cây ăn trái chủ lực trồng tập trung thì tổng diện tích cây ăn trái chủ lực trồng tập trung đến năm 2020 là: 257.000 ha, chiếm 52 % so với tổng diện tích quy hoạch cây ăn trái ở Nam bộ, trong đó vùng ĐBSCL 185.100ha, vùng Đông Nam bộ 71.900 ha. Theo đó, Tiền Giang là tỉnh có diện tích cây ăn trái chủ lực được quy hoạch trồng tập trung lớn nhất 51.500 ha - 11 loại trái cây (chiếm 27,8%), thứ 2 Vĩnh Long 30.000 ha - 6 loại trái cây (chiếm 16,2%), thứ 3 Sóc Trăng 19.000 ha - 7 loại trái cây (10,3%), thứ 4 Bến Tre 18.800 ha - 5 loại trái cây (10,2%), thứ 5 Đồng Tháp 16.000 ha - 4 loại trái cây (8,6%), thứ 6 Hậu Giang 14.500 ha - 5 loại trái cây (7,8%), còn lại là các tỉnh khác 35.300 ha (chiếm 19,1%). Song song đó, theo Bộ NN&PTNT (2013), về chủng loại cây ăn trái chủ lực được quy hoạch trồng tập trung tại khu vực ĐBSCL gồm có 11 loại. Chẳng hạn, đứng đầu là Xoài 31.600 ha (chiếm 17,1%), thứ 2 là Nhãn 26.300 ha (chiếm 14,2%), thứ 3 là Cam 26.250 ha

(14,2%), thứ 4 là Bưởi 25.000 ha (13,5%), thứ 5 Chuối 21.400 ha (11,6%) thứ 6 Dứa 21.000 (11,3%), thứ 7 Sầu riêng 10.500 ha (5,7%), thứ 8 Thanh long 7.300 ha (3,9%), thứ 9 chôm chôm 5.500 ha (3,0%), thứ 10 Quýt 5.250 ha (2,8%), thứ 11 Vú sữa 5.000 ha (2,7%).

Qua số liệu phân tích nêu trên ta thấy, ĐBSCL có diện tích cây ăn trái chiếm khoảng 35%, sản lượng chiếm khoảng 42,4% so với cả nước. Tuy nhiên, diện tích cây ăn trái đặc sản ĐBSCL chỉ chiếm khoảng 10% (83.000 ha) diện tích cây ăn trái cả nước. Bên cạnh đó, thực tế cho thấy toàn vùng ĐBSCL hiện nay đang có diện tích cây ăn trái chủ lực được sản xuất theo hướng GAP còn khá thấp, chiếm tỷ lệ khoảng 0,5% (406 ha) diện tích cây ăn trái chủ lực của toàn vùng. Mặt khác, diện tích quy hoạch cây ăn trái chủ lực trồng tập trung đến năm 2020 chiếm khoảng 64% tổng diện tích cây ăn trái ĐBSCL. Chủng loại cây ăn trái chủ lực được quy hoạch tại các tỉnh ĐBSCL có mức độ phân tán khá cao. Chính vì điều này, khả năng cung cấp sản lượng lớn, với chất lượng sản phẩm đồng đều, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu đang là thách thức đối với ngành xuất khẩu trái cây ĐBSCL.

3.3 Thực trạng xuất khẩu rau quả Việt Nam

Theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế ITC, trị giá nhập khẩu rau quả thế giới giai đoạn 2010-2012 đạt trung bình 153,7 tỷ USD/năm, tốc độ tăng trưởng đạt khoảng 5,8%. Trong đó, trị giá nhập khẩu các loại quả thế giới đạt 93,2 tỷ USD/năm, chiếm tỷ trọng 61% tổng trị giá nhập khẩu rau quả của thời kỳ này.

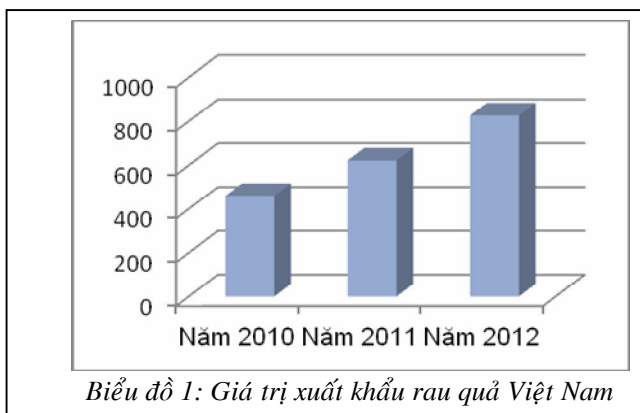
Bảng 01: Trị giá nhập khẩu rau quả thế giới giai đoạn 2010-2012

Đối tượng nhập khẩu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Rau các loại	58,1	62,4	60,9
Quả các loại	85	95,8	98,9
Tổng cộng	143,1	158,2	159,8

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế ITC tháng 06/2013

Thêm vào đó, theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế ITC cho thấy, trong năm 2012 các nước có trị giá nhập khẩu rau quả lớn nhất thế giới gồm có đứng hàng đầu là Mỹ 19,33 tỷ USD, thứ 2 là Đức 14,81 tỷ USD, thứ 3 là Anh 9,21 tỷ USD, thứ 4 là Nga 8,76 tỷ USD, thứ 5 Hà Lan 8,47 tỷ USD...thứ 10 là Bỉ 5,32 tỷ USD.

Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu rau quả Việt Nam giai đoạn 2010-2012 đạt bình quân 551,4



Biểu đồ 1: Giá trị xuất khẩu rau quả Việt Nam

triệu USD/năm, tốc độ tăng trưởng 23%/năm. Cụ thể kim ngạch xuất khẩu rau quả Việt Nam năm 2010 đạt 460,27 triệu USD. Đến năm 2011, kim ngạch xuất khẩu rau quả Việt Nam đạt 622,58 triệu USD, tăng 162,3 triệu USD, tương đương tăng 35,26% so với năm 2010. Sang năm 2012, kim ngạch xuất khẩu rau quả đạt 827,04 triệu USD, với tỷ lệ tăng 32,84%, tương đương mức tăng 204,5 triệu USD so với năm 2011.

Trước tình hình nhập khẩu rau quả tại nhiều nước trên thế giới vẫn lớn, do đó kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam vẫn đạt ở mức cao trong những tháng đầu năm 2013, cụ thể theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu rau quả Việt Nam tính đến ngày 15/11/2013 là 909,98 triệu USD, tăng khoảng 10% so với cả năm 2012. Trước đó, theo dự báo của Bộ công thương năm 2013 dự kiến kim ngạch xuất khẩu trái cây tăng trưởng không dưới 10% so năm 2012, đồng thời năm 2013 kim ngạch xuất

khẩu rau quả của Việt Nam có thể đạt 1 tỷ USD, với số liệu như trên kịch bản dự báo xuất khẩu rau quả Việt Nam của Bộ Công thương là hoàn toàn khả thi.

Trong thời gian qua, tình hình xuất khẩu trái cây cả nước nói chung và ĐBSCL nói riêng, đã thâm nhập và mở rộng thị trường xuất khẩu đến nhiều nước trên thế giới. Nếu năm 2011, trái cây Việt Nam được xuất khẩu sang 63 quốc gia thì hiện nay thị trường xuất khẩu đã mở rộng lên 76 quốc gia (Minh Trí, 2013). Theo số liệu của Tổng cục Hải quan thị trường tiêu thụ rau quả lớn nhất của Việt Nam trong năm 2012 bao gồm các nước: đứng hàng đầu là Trung Quốc với kim ngạch 218,1 triệu USD (chiếm 26,37%), thứ nhì Nhật bản 54,6 triệu USD (chiếm 6,61%), thứ 3 là Mỹ 39,8 triệu USD (chiếm 4,81%), thứ 4 Nga 28,4 triệu USD (3,43%), Đài Loan 25,7 triệu USD (3,1%), Indonexia 24,5 triệu USD (2,96%), Hàn Quốc 22,6 triệu USD (2,73%), Hà Lan 21,6 triệu USD (2,61%), Thái Lan 20,4 triệu USD (2,46%), thứ 10 là Singapore 19,8 triệu USD (2,4%), còn lại là các nước khác 351,6 triệu USD (chiếm 42,52%).

Về chủng loại trái cây xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, mặt hàng có lượng xuất khẩu lớn và kim ngạch xuất khẩu cao hàng năm, chủ yếu với sự góp mặt của nhiều loại cây chủ lực tại ĐBSCL, điển hình như: đứng hàng đầu là Thanh long (chiếm trên 40% tổng kim ngạch xuất khẩu), thứ nhì là dứa (chiếm 27,2% tổng kim ngạch), thứ ba là dưa (trên 16% tổng kim ngạch), mít (3,5%), bưởi (chiếm 1,6%), xoài (chiếm 1,5%), xơ ri (chiếm 1,1%)...(Minh Trí, 2013). PG S.TS Nguyễn Minh Châu - Viện trưởng Viện Cây ăn quả miền Nam cho biết, năm 2012, kim ngạch xuất khẩu trái cây cả nước đạt 330 triệu USD, tăng hơn 27% so với năm 2011 và tăng gấp đôi so với năm 2010. Năm 2013, dự kiến kim ngạch xuất khẩu trái cây tăng trưởng không dưới 10% so năm 2012 (Minh Trí, 2013). Cũng là nhờ dự báo xuất khẩu chòm chòm, nhãn và xoài sẽ tăng mạnh vào các thị trường Mỹ, Australia, New Zealand, Hàn Quốc.



Với tình hình kim ngạch xuất khẩu rau quả Việt Nam và thị trường xuất khẩu không ngừng tăng lên sau mỗi năm, đồng thời với nhu cầu nhập khẩu rau quả thế giới là rất lớn. Đây là cơ hội tốt cho ngành xuất khẩu rau quả Việt Nam nói chung và cho ngành xuất khẩu trái cây ĐBSCL nói riêng chiếm lĩnh thị trường, thúc đẩy sản lượng và kim ngạch xuất khẩu trong những năm sau. Tuy nhiên, qua số liệu phân tích cho thấy chủng loại trái cây xuất khẩu còn rất hạn chế và kim ngạch xuất khẩu tập trung nhiều vào Trung Quốc, như vậy có thể thấy ngành xuất khẩu rau quả Việt Nam có mức độ đa dạng hoá thấp, chưa phân tán tốt mức độ rủi ro về sản phẩm và thị trường.

3.4 Những thuận lợi trong xuất khẩu trái cây ĐBSCL

ĐBSCL có điều kiện tự nhiên thuận lợi về thổ nhưỡng, nguồn nước, khí hậu...đã giúp cho vùng khá thuận lợi trong sản xuất và phát triển nhiều loại trái cây phong phú, có giá trị kinh tế, dinh dưỡng cao đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng trên thế giới.

Việc xây dựng mô hình trồng cây ăn trái đặc sản chuyên canh theo hướng GAP đã và đang được các tỉnh ĐBSCL triển khai, nhân rộng, mặc dù diện tích còn khá thấp (406 ha) nhưng cho thấy đây là hướng phát triển sản xuất bền vững, giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá

thành sản phẩm, đảm bảo sản phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm và các tiêu chuẩn khắt khe của các nước nhập khẩu.

Trong những năm qua việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, quy trình canh tác tiến bộ, thu hoạch, bảo quản chế biến, sử dụng các loại giống có năng suất cao, sạch bệnh trong sản xuất cây ăn trái đặc sản ĐBSCL đã được Viện Cây ăn quả miền Nam, Trường Đại học Cần Thơ,... trong vùng chuyển giao hỗ trợ thông qua các đề án, dự án, chương trình tài trợ hợp tác của nước ngoài từ cấp trung ương, đến cấp tỉnh, địa phương, ví dụ: Dự án hỗ trợ xuất khẩu trái cây tại các tỉnh ĐBSCL - Mô hình thí điểm tại Tiền Giang, Dự án hỗ trợ phát triển giống cây ăn trái mới chất lượng cao Việt Nam-New Zealand,... Đây là yếu tố thuận lợi giúp người sản xuất tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu trái cây ĐBSCL với các nước trong khu vực.

Bộ NN&PTNT đã có quyết định phê duyệt quy hoạch vùng cây ăn trái chủ lực trồng tập trung và định hướng rải vụ một số cây ăn quả ở Nam Bộ đến 2020. Trên cơ sở này, người sản xuất, các doanh nghiệp xuất khẩu trái cây, các ngành chức năng có điều kiện thuận lợi hơn trong quá trình khai thác có hiệu quả lợi thế, tiềm năng ngành trái cây ĐBSCL.

Thị trường xuất khẩu rau quả Việt Nam nói chung và trái cây ĐBSCL nói riêng đến nay đã mở rộng đến nhiều quốc gia (73 quốc gia) trên thế giới, kim ngạch xuất khẩu cũng tăng lên hàng năm, nổi bật nhất là trái cây ĐBSCL đã xuất khẩu được vào một số thị trường khó tính như Mỹ, Châu Âu, Nhật. Đây là một trong những điều kiện rất thuận lợi cho các nhà xuất khẩu Việt Nam trong việc quảng bá, tiếp thị xuất khẩu trái cây ĐBSCL, thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu trong thời gian tới.

3.5 Những khó khăn trong xuất khẩu trái cây ĐBSCL

Việc sản xuất cây ăn trái đặc sản chuyên canh theo hướng quy mô hàng hoá lớn, đạt tiêu chí GAP nhằm cung cấp sản phẩm cho thị trường xuất khẩu số lượng lớn, chất lượng sản phẩm đồng đều, ổn định, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu còn rất nhiều hạn chế đối với ngành xuất khẩu trái cây ĐBSCL.

Công nghệ bảo quản, chế biến, phân loại đóng gói trái cây sau thu hoạch còn lạc hậu chủ yếu bằng biện pháp thủ công, làm cho tỷ lệ hư hỏng, hao hụt ở mức cao, dẫn đến giá thành sản xuất cao, gây bất lợi cho sản phẩm trong cạnh tranh về giá bán so với sản phẩm các nước trong khu vực.

Các doanh nghiệp xuất khẩu trái cây ĐBSCL chưa xây dựng được vùng nguyên liệu riêng cho mình mà chủ yếu thu mua qua trung gian, liên kết giữa nhà xuất khẩu và người sản xuất còn rất yếu, tình trạng cung vượt cầu, giá cả giảm mạnh, doanh nghiệp xuất khẩu không đủ nguyên liệu thường xuyên xảy ra. Đây có thể xem là khó khăn chung của ngành trái cây ĐBSCL trong nhiều năm qua chưa có giải pháp khắc phục hữu hiệu làm ảnh hưởng đến tốc độ xuất khẩu trái cây ĐBSCL trong thời gian qua.

Sản phẩm trái cây ĐBSCL chưa có thương hiệu riêng, việc xuất khẩu hầu hết sử dụng nhãn mác của nước ngoài. Chính điều này đã làm giảm khả năng nhận biết sản phẩm trái cây Việt Nam, công tác quảng bá tiếp thị trái cây ĐBSCL đến với người tiêu dùng thế giới cũng gặp khó khăn hơn.

3.6 Giải pháp xuất khẩu bền vững trái cây ĐBSCL

Phát triển diện tích cây ăn trái chủ lực theo hướng sản xuất GAP nhằm cung cấp cho thị trường sản lượng hàng hoá lớn ổn định, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu. Bên cạnh đó, ngành sản xuất trái cây ĐBSCL cũng cần tranh thủ sự hợp tác của các tổ chức quốc tế trong việc chuyển giao khoa kỹ thuật canh tác, phát triển giống mới, năng suất cao, để tạo ra sản phẩm chất lượng cao, đặc biệt là sản phẩm trái cây hữu cơ, thực hiện liên kết chặt chẽ giữa người sản xuất và nhà xuất khẩu, là những điều kiện quan trọng để tăng sản lượng và kim ngạch xuất khẩu trái cây ĐBSCL.

Thực hiện giải pháp sản xuất rải vụ ở một số chủng loại trái cây chủ lực nhằm điều tiết nguồn cung ra thị trường, ngăn chặn hiện tượng giá giảm mạnh vào vụ mùa thu hoạch. Đây có thể xem là biện pháp phòng ngừa rủi ro giá, mang lại thu nhập ổn định cho người sản xuất.

Đầu tư nghiên cứu công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch tiên tiến nhằm tăng thời gian lưu kho, giảm tỷ lệ hao hụt, nhằm giúp giảm chi phí sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh xuất khẩu trái cây ĐBSCL so với các nước trong khu vực.

Đa dạng hoá chủng loại trái cây và thị trường xuất khẩu, đặc biệt là gia tăng xuất khẩu vào các thị trường cao cấp như EU, Mỹ Nhật, Hàn Quốc...đồng thời kết hợp với xây dựng thương hiệu xuất khẩu cho các loại trái cây chủ lực ĐBSCL, thường xuyên tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu trái cây. Thực hiện tốt các hoạt động này mới đảm bảo thu nhập cho người sản xuất và nhà xuất khẩu, đồng thời tạo nền tảng cho xuất khẩu trái cây ĐBSCL phát triển bền vững.

Chính phủ cần khuyến khích các doanh nghiệp trong nước và thu hút vốn đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư, thương mại, kinh doanh ngành trái cây ĐBSCL từ khâu sản xuất chế biến đến khâu xuất khẩu thông qua các chính sách ưu đãi về đất đai, chính sách ưu đãi tín dụng, chính sách ưu đãi về thuế.

Trên cơ sở quy hoạch của Bộ NN&PTNT về phát triển trồng tập trung trái cây chủ lực đến năm 2020, các tỉnh ĐBSCL cần phối hợp chặt chẽ và tạo liên kết vùng trong tổ chức sản xuất, tiêu thụ hướng tới tính chuyên nghiệp cao, đảm bảo khai thác có hiệu quả lợi thế tiềm năng của mặt hàng này.

4. Kết luận

Mặc dù kim ngạch xuất khẩu rau quả Việt Nam luôn tăng trưởng trong 03 năm gần đây, nhưng ngành rau quả Việt Nam nói chung và ngành trái cây ĐBSCL vẫn chưa phát huy tương xứng với tiềm năng của ngành thể hiện ở số lượng xuất khẩu chỉ chiếm khoảng 10-15% sản lượng của toàn ngành, trong khi đó trị giá nhập khẩu rau quả thế giới là rất lớn. Bên cạnh đó, chủng loại xuất khẩu chưa phong phú; thị trường xuất khẩu tập trung nhiều vào Trung Quốc; quy mô sản xuất trái cây ĐBSCL còn nhỏ lẻ; diện tích sản xuất trái cây đặc sản chủ lực theo hướng GAP còn rất thấp; liên kết giữa người sản xuất và nhà xuất khẩu chưa chặt chẽ; hệ thống tiêu thụ chưa chuyên nghiệp; tình trạng cung vượt cầu trái cây trên thị trường vẫn còn thường xuyên xảy ra. Do đó, nhằm tạo ra những sản phẩm an toàn, chất lượng cao, sản lượng lớn đáp ứng nhu cầu thị trường, thì việc phối hợp đồng bộ các giải pháp về tổ chức sản xuất; xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường xuất khẩu; gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ; thực hiện tốt liên kết vùng, nhà nước có chính sách hỗ trợ tốt, đặc biệt có ý nghĩa quan trọng, góp phần vào sự thành công xuất khẩu bền vững trái cây ĐBSCL.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Minh Trí (2013), *Viện Cây ăn quả miền Nam tạo đà cho trái cây đặc sản ĐBSCL vươn xa* tại

http://www.agroviat.gov.vn/Pages/news_detail.aspx?NewsId=29515&Page=1

Minh Trí (2013), ĐBSCL xây dựng mô hình Cây ăn quả VietGap, Bộ NN&PTNT (2013), Quyết định số 1648/QĐ-BNN-TT ngày 17/07/2013 về việc phê duyệt quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung và định hướng rải vụ một số cây ăn quả ở Nam Bộ đến năm 2020.

Phương Anh (2013), Nâng cao chuỗi giá trị trái cây Đồng bằng sông Cửu Long, tại <http://baoapbac.vn/kinh-te/201302/Nang-cao-chuoi-gia-tri-trai-cay-dong-bang-song-Cuu-Long-172743/>

Vân Chi (2013) Điều gì quyết định giá của các loại trái cây nhiệt đới? tại <http://cafef.vn/nong-thuy-san/dieu-gi-quiet-dinh-gia-cua-cac-loai-trai-cay-nhiet-doi-2013040318002463020ca52.chn>

V.Cộng (2013), Cần tổ chức lại khâu sản xuất và tiêu thụ, tại

<http://www.baocantho.com.vn/?mod=detnews&catid=72&p=&id=130571>

Thế Đạt (2013), Mở rộng diện tích trái cây đặc sản phục vụ xuất khẩu, tại <http://canthotv.vn/tin-tuc/mo-rong-dien-tich-trai-cay-dac-san-phuc-vu-xuat-khau/>

Thanh Đào (2013), Tổng kết dự án hỗ trợ xuất khẩu trái cây tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, tại <http://nongnghieptiengiang.gov.vn/?m=newsdetail&q=1&id=871#>

Anh Đức (2013) Phát triển trái cây Việt Nam: Không thể nói suông! Tại <http://www.khoahocphothong.com.vn/news/detail/15452/phat-trien-trai-cay-viet-nam:-khong-the-noi-suong&-33>

H.Long (2013), Tốp 50 đặc sản trái cây nổi tiếng nhất của Việt Nam, tại <http://www.vietnamplus.vn/top-50-dac-san-trai-cay-noi-tieng-nhat-cua-viet-nam/156601.vnp>

GlobalGap, tại <http://canthotv.vn/tin-tuc/dbscl-xay-mo-hinh-cay-an-qua-vietgap-globalgap/>

Minh Trí (2013), Tín hiệu vui từ xuất khẩu trái cây, tại <http://nongnghiep.vn/nongnghiepvn/72/1/15/112084/Tin-hieu-vui-tu-XK-trai-cay-.aspx>